

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/DS- PT

Ngày: 05/5/2026

*V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú

Ông Nguyễn Việt Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số **38/2026**/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Toà án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2026/QĐ-PT ngày 17/4/2026; giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1946 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

* **Bị đơn:** Anh Trần Văn V, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Tổng Thị V1, sinh năm 1978
(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

* Người kháng cáo: Bị đơn anh Trần Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà và anh Trần Văn V không có mối quan hệ gì, bà và anh V là hàng xóm của nhau. Ngày 14/8/2020 bà có cho anh V vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm

lăm mươi triệu đồng), bà và anh V có viết giấy vay tiền (giấy mượn tiền), toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của anh V, giấy vay tiền được viết tại nhà anh V, lúc viết giấy mượn tiền có mặt bà, anh V và vợ anh V chị V1, ngoài ra không có ai khác. Sau khi viết giấy mượn tiền xong bà đã đưa đủ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng) cho anh V, hai bên không viết thêm giấy tờ gì khác.

Cụ thể nội dung trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận như toàn bộ trong giấy mượn tiền đã ghi, giấy mượn tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn hai bên không ấn định thời hạn trả tiền gốc khi nào bà cần thì bà báo trước anh V một tháng để anh V trả bà số tiền đã vay, hai bên ấn định hàng tháng phải trả lãi, tiền lãi bắt đầu tính từ tháng 09/2020, toàn bộ là chữ viết, chữ ký “Vỹ, Trần Văn V” trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của anh V, còn chữ viết, chữ ký “Đoàn Thị T” trong mục người cho vay là chữ ký của bà.

Anh V vay tiền mục đích để làm vốn làm nghề đậu gia đình, số tiền vay này có liên quan đến vợ anh V là chị Tổng Thị V1, sinh năm 1978 cùng địa chỉ với anh V, số tiền vay là làm ăn của gia đình anh V, đề nghị Tòa án đưa vợ anh V vào tham gia tố tụng trong vụ án. Số tiền bà cho anh V vay là số tiền của cá nhân bà không liên quan gì đến chồng bà ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1943 ở tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh, bà và ông T1 đã ly hôn từ lâu khoảng năm 1975.

Từ khi viết giấy vay tiền đề ngày 14/8/2020 thì anh V đã trả cho bà cụ thể được tổng số tiền lãi là bao nhiêu thì bà không nhớ, theo sổ bà cung cấp thì bà trình bày như sau:

Ngày 14/9/2020 anh V đã trả lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/10/2020 anh V đã trả lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/11/2020 anh V trả tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/12/2020 anh V trả tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/01 và ngày 14/02/2021 trả cho bà tiền lãi được 3.000.000 đồng. Ngày 14/3 và ngày 14/4/2021 trả bà tiền lãi 3.000.000 đồng, ngày 14/5/2021 trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/6/2021 trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 22/8/2022 trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 09/2022 đã trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 10/2022 đã trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 11/2022 đã trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 12/2022 đã trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 01/2024 (trong sổ ghi 30/1/2023 nhưng thực tế là trả lãi tháng 01/2024) vợ anh V chị V1 đã trả bà tiền lãi 2.000.000 đồng, tháng 02/2023 đã trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 03/2023 đã trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng. Ngày 30/8/2023 dương lịch tức ngày 15/7/2023 âm lịch có ghi chốt lãi bà T là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sau đó anh V trả bà tiền lãi 1.000.000 đồng còn lại nợ 9.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 01/6/2024 trả bà tiền lãi 1.500.000 đồng. Toàn bộ các lần trả lãi đều có chữ ký của anh V, chị V1 ký xác nhận trả bên dưới phần tiền trả.

Từ ngày 01/6/2024 cho đến nay anh V không trả được cho bà số tiền lãi nào nữa. Số tiền gốc vay của bà 150.000.000 đồng cho đến nay anh V chưa trả được cho bà khoản tiền nào. Từ đó cho đến nay bà có đòi anh V liên tục nhiều lần nhưng anh V vẫn không trả cho bà được khoản tiền nào nữa ngoài khoản tiền lãi đã trả như bà trình bày ở trên.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Trần Văn V và chị Tổng Thị V1 phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền (giấy mượn tiền) đề ngày 14/8/2020 và tiền lãi là 1%/tháng kể từ ngày vay 14/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền lãi anh V đã trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Đoàn Thị T có mặt trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra bà không trình bày ý kiến gì khác.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn V trình bày:*

Anh và bà Đoàn Thị T không có mối quan hệ gì, anh và bà T là hàng xóm của nhau. Ngày 14/8/2020 theo giấy mượn tiền anh có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng), anh và bà T có viết giấy mượn tiền, toàn bộ chữ viết trong giấy mượn tiền là chữ viết của anh, giấy mượn tiền được viết tại nhà anh, lúc viết giấy mượn tiền có mặt anh và bà T, ngoài ra không có ai khác. Sau khi viết giấy vay tiền xong bà T đưa anh đủ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng), hai bên không viết thêm giấy tờ gì khác.

Cụ thể toàn bộ nội dung hai bên thỏa thuận như nội dung trong giấy mượn tiền đã ghi, giấy mượn tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn hai bên không ấn định thời hạn trả tiền gốc, ấn định hàng tháng phải trả lãi, tiền lãi bắt đầu tính từ tháng 09/2020, toàn bộ là chữ viết, chữ ký “Vỹ, Trần Văn V” trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của anh, còn chữ viết, chữ ký “Đoàn Thị T” là chữ ký, chữ viết của bà T.

Anh vay tiền mục đích để làm nghề đậu, số tiền vay này không liên quan gì đến vợ anh là chị Tổng Thị V1, sinh năm 1978 cùng địa chỉ với anh, số tiền vay là làm ăn riêng của anh, không liên quan gì đến vợ anh, tại thời điểm anh làm đậu chị V1 có phụ giúp anh, đề nghị Tòa án không đưa vợ anh vào tham gia tố tụng trong vụ án. Số tiền bà T cho anh vay là của ai thì anh không biết.

Từ khi viết giấy vay tiền đề ngày 14/8/2020 thì anh đã trả cho bà T cụ thể được tổng số tiền lãi bao nhiêu thì anh không nhớ, theo sổ bà T cung cấp thì anh trình bày như sau:

Ngày 14/9/2020 anh V đã trả lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/10/2020 anh V đã trả lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/11/2020 anh V trả tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/12/2020 anh V trả tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/01 và ngày 14/02/2021 trả cho bà T tiền lãi được 3.000.000 đồng. Ngày 14/3 và ngày 14/4/2021 trả bà T tiền lãi 3.000.000 đồng, ngày 14/5/2021 trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 14/6/2021 trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 22/8/2022 trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 09/2022 đã trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 10/2022 đã trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 11/2022 đã trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 12/2022 đã trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 01/2023 (trong sổ ghi 30/1/2023 nhưng thực tế là trả lãi tháng 01/2024 do anh ghi nhầm) đã trả bà T tiền lãi 2.000.000 đồng, tháng 02/2023 đã trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng, tháng 3/2023 đã trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng. Ngày 30/8/2023 dương lịch tức ngày 15/7/2023 âm lịch có ghi chốt lãi bà T là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sau đó anh trả bà T tiền lãi 1.000.000 đồng còn lại nợ 9.000.000 đồng tiền lãi. Ngày

01/6/2024 trả bà T tiền lãi 1.500.000 đồng. Sau thời gian ngày 01/6/2024 cho đến nay anh không trả được cho bà T số tiền lãi nào nữa. Số tiền gốc vay bà T 150.000.000 đồng cho đến nay anh chưa trả được cho bà T khoản tiền gốc nào.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu đòi anh số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ khi vay cho đến ngày xét xử. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T với lý do: Vì hiện tại gia đình anh đang rất khó khăn, anh xác định số tiền gốc còn nợ bà T là 150.000.000 đồng, anh xin trả dần bà T số tiền gốc là 2.500.000 đồng/tháng đến 3.000.000 đồng/tháng, còn tiền lãi bà T yêu cầu anh phải trả thì anh xin trả bà T sau sau khi anh đã trả hết tiền gốc cho bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông V có mặt trình bày: Anh vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tổng Thị V1 tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Chị đã nhận được thông báo thụ lý của vụ án, chị là vợ của anh Trần Văn V, việc anh V chồng chị vay của bà T 150.000.000 đồng thì chị không biết việc này, sau này bà T sang nhà đòi tiền thì chị mới biết vì sự việc, chị không vay nên chị cũng không tham gia ý kiến gì khi bà T sang đòi tiền. Nay quan điểm của chị việc vay tiền cá nhân anh V thì đề nghị anh V trả tiền cho bà T chứ chị không liên quan, ngoài ra chị V1 không trình bày nội dung gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Tổng Thị V1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 –Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T. Buộc anh Trần Văn V, chị Tổng Thị V1 phải liên đới trả cho bà Đoàn Thị T tổng số tiền là 217.900.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 67.900.000 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/02/2026, bị đơn ông Trần Văn V kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tuyên một mình ông trả nợ gốc và lãi 217.900.000 và cho ông trả nợ theo quý 3 tháng/1 lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết nội dung vụ án.

Bị đơn anh Trần Văn V trình bày: Anh vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng để đầu tư sản xuất làm nghề đậu phụ nhưng do làm ăn thua lỗ nên anh chưa trả được cho bà T. Số tiền này là do anh vay cá nhân, không liên quan đến vợ anh. Anh đề nghị được trả nợ gốc trước, lãi sau, trả 3 tháng/ 1 lần số tiền 6 triệu đến 7 triệu rưỡi. Mỗi tháng trả 2-3 triệu, khoảng 6-7tr rưỡi/ 3 tháng ạ.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày: Bà đã 80 tuổi, không có tiền lương, phải nuôi cháu nhỏ ăn học nên bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh V đề nghị anh V trả tiền cho bà như bản án sơ thẩm đã tuyên.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi Nghị án, thẩm phán, Thư ký và HĐXX thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục tố tụng đảm bảo quy định của BLTTDS.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2026/DS- ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh.

Án phí DSPT: Anh Trần Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn V kháng cáo trong thời hạn luật định nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tống Thị V1 vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị V1 là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 14/8/2020 thì anh Trần Văn V vay của bà Đoàn Thị T số tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất 1%/1 tháng (tương ứng 12%/1 năm), không thỏa thuận thời hạn. Sau đó đến hạn trả nợ tiền lãi của khoản vay anh V đã thực hiện trả lãi một số lần sau đó anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

Nay bà Đoàn Thị T đề nghị anh Trần Văn V, chị Tổng Thị V1 phải phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc theo giấy mượn tiền và trả tiền lãi 01%/tháng kể từ ngày 14/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T. Buộc anh Trần Văn V, chị Tổng Thị V1 phải liên đới trả cho bà Đoàn Thị T tổng số tiền là 217.900.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 67.900.000 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Trần Văn V nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên một mình ông trả nợ gốc và lãi 217.900.000 và cho ông trả nợ theo quý 3 tháng/1 lần.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp: Ngày 14/8/2020, anh V có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng. Hai bên đã lập giấy vay tiền (giấy mượn tiền) tại nhà anh V, toàn bộ nội dung giấy vay do anh V viết tay, có chữ ký của anh V ở phần người vay và chữ ký của bà T ở phần người cho vay. Việc này được thể hiện rõ nội dung trong Giấy mượn tiền bản gốc mà nguyên đơn xuất trình cho Tòa án. Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là anh V cũng xác nhận có vay của bà T số tiền trên, có ký vào Giấy mượn tiền. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh V, chị V1 đều thể hiện mục đích anh V vay số tiền trên của bà V1 là để kinh doanh bán đậu phụ. Việc kinh doanh này chị V1 có biết và có thường xuyên phụ giúp anh V. Xét thấy, việc vay mượn tiền của anh V xảy ra trong thời kì hôn nhân. Tuy chị V1 không có chữ ký trong mục người vay tiền tại các giấy mượn tiền ngày 14/8/2020 nhưng chị V1 đã có 01 lần trả lãi cho bà T được bà T, anh V xác nhận. Anh V xác định việc vay mượn tiền này không sử dụng vào việc phát triển kinh tế chung của gia đình tuy nhiên tại phiên tòa anh trình bày tiền làm đậu sử dụng mục đích chung cho gia đình. Vì vậy có căn cứ để xác định chị V1 phải chịu trách nhiệm liên đới với anh V đối với các khoản vay này. Do đó, HĐXX sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của anh Trần Văn V đề nghị được trả dần theo quý 3 tháng 1 lần, xét thấy, nội dung này không được ghi nhận trong Giấy mượn tiền đề ngày 14/8/2022 giữa anh Trần Văn V và bà Đoàn Thị T. Tại phiên tòa, bà T không đồng ý với yêu cầu này của anh V. Do đó, kháng cáo của anh Trần Văn V về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để bảo vệ cho kháng cáo của mình.

Từ những đánh giá trên, không chấp nhận kháng cáo của **bị đơn anh Trần Văn V**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên **anh Trần Văn V** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của **anh Trần Văn V**; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ **khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự**; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0001329 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh V đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung